

Bản án số: 67/2022/DSPT

Ngày: 07/4/2022

V/v “tranh chấp quyền nhận
tiền bồi thường, hỗ trợ do thu
hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Phan Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2021/TLPT- DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về “tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS – ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận C bị nguyên đơn bà Hà Thanh T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 364/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: bà Hà Thanh T, sinh năm 1981. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: số 36 đường B, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Tr, Ông Nguyễn Văn C (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2020). *Bà Tr có mặt, ông C vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: 378E12/7A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1954. *Có mặt*

Địa chỉ: 10/4 khu vực T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người có liên quan:

3.1. Lê Văn Đ.

3.2 Lê Văn T.

3.3 Lê Phước L.

3.4 Lê Phước L1.

Cùng địa chỉ: 10/4 khu vực T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3.5 Trung tâm phát triển Q.

Địa chỉ: 48 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ

3.6 Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Đường M, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2015, nguyên đơn có thuê mặt bằng trống của bị đơn không ghi diện tích để kinh doanh quán cà phê, thời hạn thuê 03 năm, giá thuê 6.000.000 đồng/tháng, có làm hợp đồng thuê bằng giấy tay, sau khi ký hợp đồng thuê nguyên đơn có xây nhà tiền chế nối liền với nhà chính của bị đơn để bán quán. Sau khi hết hợp đồng thứ nhất thì vào ngày 07.4.2019 nguyên đơn ký hợp đồng thuê tiếp theo có thuê mặt bằng của bà Nguyễn Thị Cẩm H, gồm phần đất và một phần nhà, thời hạn hợp đồng là 02 năm, giá thuê là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Năm 2019 có quyết định thu hồi đất của bà H, phần nhà tiền chế của bà T xây dựng bị ảnh hưởng giải tỏa, bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc công trình xây dựng là 160.112.800 đồng, nhưng phía bà H không nhận tiền trả cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bà H nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng là 160.112.800 đồng và giao số tiền này cho bà Hà Thanh T. Nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền 30.000.000 đồng. Trường hợp bị đơn không đồng ý thì nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hiện tại phần nhà, vật kiến trúc bị ảnh hưởng đã giao mặt bằng cho Trung tâm phát triển Q, số tiền này chưa giao cho ai.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; các biên bản hòa giải:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Năm 2015 bà H có cho bà Hà Thanh T thuê nhà để kinh doanh nước giải khát, bà H có đồng ý cho bà T tu sửa cửa nhà và lợp lại mái nhà. Khi hết hạn hợp đồng, năm 2019 bà H có ký hợp đồng cho bà Hà Thanh T tiếp tục thuê lại nhà cũ để kinh doanh nước giải khát, bà T không có sửa chữa thêm sau khi ký hợp đồng lần thứ hai vào năm 2019. Nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng có bồi thường công trình vật kiến trúc là phần tiền chế với tổng số tiền 160.112.800 đồng. Số tiền này bà T yêu cầu nhận hết, bà H không đồng ý. Bà H đồng ý cho bà T hưởng 60.000.000 đồng trong tổng số tiền 160.112.800 đồng. Hiện tại phần nhà, vật kiến trúc bị ảnh hưởng đã giao mặt bằng cho Trung tâm phát triển Q, số tiền này chưa giao cho ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H. Ngoài ra ông Đ còn ý kiến thêm đồng ý cho bà T hưởng hết số tiền bồi thường khi hết thời hạn thuê thì bà T chỉ được lấy bàn ghế đi, còn tất cả vật kiến trúc phải để lại hết.

Tại bản án số 57/2021/DS - ST ngày 17/6/2021 Tòa án nhân dân quận C đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thanh T về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

Bà Hà Thanh T được quyền nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm H được quyền nhận số tiền: 115.112.800 đồng

Trung tâm phát triển Q thuộc Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ có trách nhiệm chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất cho bà Hà Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Bản án trên đã bị nguyên đơn bà Hà Thanh T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc việc giải quyết vụ án đồng thời không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, bà T thừa nhận năm 2016 bà T thuê nhà của bà H nhưng hiện trạng lúc thuê thì nhà đã xuống cấp, sau đó bà T đã tháo dỡ xây dựng mới lại hoàn toàn vì vậy năm 2019 các bên chỉ lập hợp đồng thuê đất. Do bà T là người đã xây dựng những công trình, vật kiến trúc trên đất bị thu hồi nên bà là người có quyền được hưởng tiền bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nếu bà H đồng ý thỏa thuận thì bà T chỉ yêu cầu nhận phần tiền bồi thường của căn nhà tiền chế với số tiền 114.620.800đồng, số tiền còn lại bà H là người có quyền được nhận.

Bà H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà H cho rằng sau khi thuê bà T chỉ xây dựng, sửa chữa nhỏ trên đất, tất cả những công trình, vật kiến trúc là do bà xây dựng từ trước đã có sẵn nên bà mới là người có quyền được nhận tiền bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Chủ tọa, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Theo hồ sơ thể hiện tại biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị do Ủy ban nhân dân phường H lập ngày 17/12/2015 yêu cầu bà H ngừng thi công phần nhà tạm có “kết cấu cột bê tông đúc sẵn, mái tol + lá, vách tường + lưới B40 và nhà vệ sinh” yêu cầu ngưng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị. Ngày 28/02/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xác minh tại UBND phường H, quận C kết quả căn nhà của bà H phường có quyết định cưỡng chế nhưng chưa thực hiện việc cưỡng chế còn việc có sửa chữa hay không thì địa phương không biết. Bà T cho rằng phần công trình trên do bà xây dựng và cung cấp hợp đồng xây dựng nhà (Hợp đồng đánh máy) được ký kết giữa bà và ông Nguyễn Văn Y với số tiền xây dựng 97.000.000đồng vào ngày 10/3/2016 là trước thời điểm bà ký hợp đồng thuê đất của bà H, đồng thời hợp đồng cũng không thể hiện xây dựng căn nhà tại địa chỉ nào. Như vậy, tại thời điểm bà T thuê đất bà H đã có nhà tạm và công trình trên đất, bà H không thừa nhận toàn bộ công trình trên do bà T xây dựng mà chỉ tu bổ, sửa chữa một số hạng mục như cửa ra vào, mái che và

lộp lại phần mái tole. Bà T chưa cung cấp được chứng cứ về phần vật kiến trúc cụ thể do bà xây dựng nên bà yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền 160.112.800đồng là chưa đủ cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H thừa nhận bà T có sửa chữa một số hạng mục nên đồng ý để bà T nhận số tiền 50.000.000đồng trong tổng số tiền được bồi thường hỗ trợ nên ghi nhận. Theo công văn số 4357 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ xác định số tiền bồi thường hỗ trợ một phần nhà và vật kiến trúc của bà H chưa thực hiện chi trả và đang có trong tài khoản của dự án tại Kho bạc Nhà nước thành phố Cần Thơ.

Do bà T chưa chứng minh cụ thể công trình, vật kiến trúc xây dựng ảnh hưởng bị thu hồi, tháo dỡ do bà xây dựng khi nhà nước buộc tháo dỡ di dời và bồi thường nên chưa đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà T.

Về án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của bà Hà Thanh T, bà T được nhận số tiền 50.000.000đồng trong tổng số tiền yêu cầu 160.112.800đồng nhưng chỉ tuyên buộc bà Hà Thanh T chịu án phí không có giá ngạch 300.000đồng là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 nghị quyết 326 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thanh T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS – ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ về phần án phí, bà T phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận 115.112.800đồng, cụ thể số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 5.755.640đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Theo đơn kháng cáo, bà Hà Thanh T cho rằng những vật kiến trúc trên đất bị thu hồi là do bà bỏ tiền ra xây dựng nên bà là người được quyền nhận phần bồi thường vật kiến trúc trên đất với số tiền 160.112.800đồng theo thông báo số 3917/TB.TTPTQĐ ngày 08/10/2019 của Trung tâm phát triển Q.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy giữa bà H và bà T có xác lập hợp đồng cho thuê nhà từ năm 2016, đồng thời các bên cũng thừa nhận khi thuê thì trên đất có sẵn 01 căn nhà sau khi thuê thì bà T có bỏ tiền ra để xây dựng, sửa chữa lại để kinh doanh. Lời thừa nhận của các đương sự phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ như: Hợp đồng thuê nhà (bút lục 88, Biên bản ngày 09/01/2020 của Ủy ban nhân dân phường H về việc vận động hộ dân hợp tác trong việc nhận tiền bồi thường....” , bút lục 23. Như vậy, cần xác định là tại thời điểm cho thuê căn nhà bà H cho bà T thuê là nhà loại gì và bà T đã xây dựng, sửa chữa những gì sau khi thuê nhà của bà H.

Căn cứ vào Đơn xin cất quán giải khát của bà H (bút lục số 141), Biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị số 25 ngày 17/12/2015 (bút lục 147) và Quyết định số 329/QĐ – UBND ngày 29/12/2015 của UBND phường H, quận C, thành phố Cần Thơ về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị (bút lục số 146) thì đến thời điểm 29/12/2015 trên đất của bà H có công trình xây dựng cụ thể là: Quán tạm với kết cấu cột bê tông đúc sẵn, mái tol + lá, vách tường + lưới B40 và nhà vệ sinh xây gạch 3 x 1,6m² có hầm tự hoại. Diện tích quán mặt trước 11,2m, dài bên phải 13m, bên trái 13m, mặt sau 5m. Công trình này đã có quyết định cưỡng chế tháo dỡ. Tại “Biên bản xác minh ngày 28/02/2022 của TAND thành phố Cần Thơ” tại trụ sở UBND phường H, quận C thì UBND phường H xác nhận mặc dù đã có quyết định cưỡng chế và đã tổng đạt quyết định này cho gia đình bà H nhưng Phường chưa thực hiện việc cưỡng chế. Tại phiên tòa, Bà H thừa nhận, sau khi bị phường lập biên bản ngừng thi công đến khi cho bà T thuê nhà thì bà không có tiếp tục sửa chữa, xây dựng thêm bất cứ công trình nào nữa trên phần đất này. Như vậy, căn nhà bà H cho bà T thuê vào tháng 4/2016 là quán tạm có kết cấu như đã nêu trên.

Đại diện của bà T trình bày do căn nhà thuê đã xuống cấp không sử dụng được nên sau khi thuê một thời gian thì bà T có tháo dỡ và xây mới lại. Việc tháo dỡ bà T không có thông báo cho bà H nhưng nhà bà H ở cạnh nhà bà T thuê và khi bà T xây mới lại bà H cũng không có ý kiến gì. Lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ, bởi căn cứ “Hợp đồng cho thuê đất” ngày 07/4/2019, bút lục số 63, bà H chỉ cho bà T thuê đất, không thể hiện có cho

thuê nhà chứng tỏ thời điểm này căn nhà mà bà H đã xây dựng trước đó không còn.

Tại bản “Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ ngày 09/9/2019 của Trung tâm phát triển Q (bút lục số 51) xác định những công trình, vật kiến trúc trên đất của bà H bị thu hồi cụ thể như sau: Nhà trệt: Khung cột thép tiền chế, tường gạch, mái tole tráng kẽm và fibro ciment, có trần, nền gạch men; sân lót gạch men, Giếng khoan bơm tay, đồng hồ điện, tổng số tiền bồi thường những công trình này là 125.300.960đồng, phần hỗ trợ di dời là 34.811.840 đồng. Quá trình giải quyết bà T có cung cấp “Hợp đồng xây dựng nhà” vào ngày 10/3/2016 giữa bà với ông Nguyễn Văn Y. Theo hợp đồng này, bà T thuê ông Yên xây dựng nhà chi tiết như sau: “nền và nhà tiền chế, mái tole, xây gạch 2 bên hông, khung sắt, trần đóng thạch cao, nền lót gạch men...”. Tại bản tự khai ngày 05/4/2022 ông Nguyễn Văn Y cũng thừa nhận đã nhận xây dựng trọn gói cho bà Hà Thanh T 01 căn nhà tiền chế chi tiết cụ thể như trên. Phần xây dựng chi tiết này phù hợp với phần công trình, vật kiến trúc mà Trung tâm phát triển Q đã kiểm kê để tính kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà H, bút lục 51.

Như vậy, có cơ sở để xác định rằng tại thời điểm cho thuê vào tháng 4 năm 2016 thì trên đất có tồn tại căn nhà do bà H xây dựng. Nhưng đến thời điểm thu hồi đất thì căn nhà này không còn và bà T đã chứng minh được bà có bỏ tiền ra để xây dựng mới những công trình trên đất thuê trong đó có căn nhà tiền chế. Do đó bà T yêu cầu được nhận bồi thường đối với những phần xây dựng này là có cơ sở.

Đối với số tiền hỗ trợ 34.811.840đồng, trong bản “Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ ngày 09/9/2019 của Trung tâm phát triển Q” có diễn giải ngoài việc bồi thường giá trị công trình phá dỡ còn được hỗ trợ thêm 30% giá trị phần bị tháo dỡ, hỗ trợ công tháo dỡ. Như vậy, số tiền này là hỗ trợ cho người có công trình trên đất bồi thường chứ không phải hỗ trợ cho người có quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu của bà T được quyền nhận số tiền này là có cơ sở chấp nhận.

Như đã nhận định trên bà T đã chứng minh được bà có xây mới lại những công trình trên đất thuê. Tuy nhiên, các bên thừa nhận khi xác lập hợp đồng thuê năm 2016 thì trên đất đã có sẵn 01 quán tạm của bà H, bà T tháo dỡ nhưng không có thông báo việc này cũng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Ngoài ra, tại phiên tòa, đại diện của bà T có trình bày nếu bà H đồng ý thỏa

thuận thì bà T chỉ yêu cầu nhận số tiền bồi thường căn nhà tiền chế 114.620.800đồng, số tiền còn lại bà H là người có quyền được nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, chấp nhận cho bà T được quyền nhận số tiền bồi thường vật kiến trúc 114.620.800đồng, bà Nguyễn Thị Cẩm H được quyền nhận số tiền 50.492.000đồng là phù hợp, đảm bảo quyền, lợi ích của các bên.

Theo công văn số 4357 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ xác định số tiền bồi thường hỗ trợ một phần nhà và vật kiến trúc của bà H chưa thực hiện chi trả và đang có trong tài khoản của dự án tại Kho bạc Nhà nước thành phố Cần Thơ. Do đó, khi án có hiệu lực các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ để nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Bản án sơ thẩm tuyên bà H là người được quyền nhận tiền bồi thường vật kiến trúc, hỗ trợ do thu hồi quyền sử dụng đất tại Trung tâm phát triển Q và công nhận sự hỗ trợ của bà H đối với bà T là chưa đánh giá hết những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên cần điều chỉnh lại.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc công nhận quyền được nhận tiền bồi thường vật kiến trúc, hỗ trợ do thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị Cẩm H là chưa phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với đề nghị sửa án phí: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự thì các đương sự tranh chấp về quyền được nhận tiền bồi thường vật kiến trúc, hỗ trợ do thu hồi đất, không phải là tranh chấp về giá trị nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định án phí không có giá ngạch là phù hợp. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc sửa án phí theo hướng tính án phí có giá ngạch là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo của bà T được chấp nhận một phần nên căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà T không phải chịu. Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 006960 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hà Thanh T.

2 Sửa một phần bản án sơ thẩm số 57/2021/DSST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

2.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thanh T về việc yêu cầu công nhận quyền được tiền bồi thường vật kiến trúc, hỗ trợ do thu hồi đất.

Bà Hà Thanh T được quyền nhận số tiền: 114.620.800đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm H được quyền nhận số tiền 50.492.000đồng

Trung tâm phát triển Q thuộc Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ có trách nhiệm chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất cho bà Hà Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000đồng. Bà H được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án phải nộp.

Bà Hà Thanh T phải chịu 300.000đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 006060 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ thành án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thanh T không phải chịu. Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 006960 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan

